LỰC BẮT ĐÁY XUẤT HIỆN TẠI NGƯỠNG 1,190

Thứ ba, Ngày 16 Tháng 4 Năm 2024

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/4/2024		●	
Tuần 15/4-19/4/2024	●		
Tháng 04/2024	●		

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Tâm lý thị trường tiêu cực ngay khi mở cửa phiên sáng. Đến phiên chiều, tâm lý này gia tăng khiến VN-Index nhanh chóng lao dốc và thủng mốc 1,200 điểm. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy tại đây đã đẩy chỉ số đi lên trở lại. Kết phiên, VN-Index đóng cửa đi ngang tại mốc 1,215.68 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm trong đó ngành Thực phẩm và đồ uống dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Xây dựng và Vật liệu, Bảo hiểm, Bất động sản… Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và HNX. Rủi ro ngắn hạn của thị trường vẫn đang ở mức khá cao, chỉ số có thể tiếp tục xu hướng giảm trong ngắn hạn với ngưỡng hỗ trợ là 1,200 điểm. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm trong ngày hôm nay.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/04/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp đi ngang của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index -0.93 điểm, đóng cửa tại 1215.68 điểm. HNX-Index -0.88 điểm, đóng cửa tại 228.83 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: TCB (+0.97), BID (+0.85), CTG (+0.8), MBB (+0.66), GVR (+0.55).
• Kéo chỉ số giảm: VCB (-1.35), VIC (-0.55), VNM (-0.45), NVL (-0.34), BCM (-0.3).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 27,211 tỷ đồng, giảm -10.31% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 30,275 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 30.72 điểm. Thị trường có 140 mã tăng, 58 mã tham chiếu, 361 mã giảm.
• Giá trị mua ròng của khối ngoại: 63.59 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm SSI (90.47 tỷ), MWG (57.67 tỷ), VIX (55.82 tỷ), DGC (52.22 tỷ), DPG (50.00 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 29.95 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 +0.27%. Các mã diễn biến tích cực: CTR (+2.49%), TCB (+2.48%), DGC (+2.16%).
• BSC50 -0.54%. Các mã diễn biến tích cực: PVT (+4.58%), DRC (+2.95%), SIP (+2.22%).

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.27%	-0.54%	-0.08%	0.39%
1 tuần	-4.59%	-6.29%	-3.66%	-3.08%
1 tháng	-2.82%	-3.96%	-1.88%	-1.96%
3 tháng	14.72%	14.62%	9.30%	9.16%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,215.68	228.83	88.63
% 1D	-0.08%	-0.38%	-0.39%
GTGD (tỷ VND)	27,211	2,588	718
%1D	-10.31%	-25.96%	-33.16%
GDNN (tỷ VND)	63.59	29.95	13.70

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	90.47	VHM	-207.41
MWG	57.67	VNM	-83.71
VIX	55.82	VRE	-64.15
DGC	52.22	VCB	-59.30
DPG	50.00	VIC	-47.66

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,199	0.74%	1.01%
FTSE100	8,022	1.24%	1.41%
Eurostoxx	4,420	1.17%	1.08%
Shanghai	3,019	-0.49%	-1.62%
Nikkei	39,567	0.31%	1.43%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	90.64	0.25%
Giá vàng	2,383	
Tỷ giá		
USD/VND	25,348	0.19%
EUR/VND	27,500	-0.11%
JPY/VND	167	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.9%	0.05%
LS LNH 1M	4.1%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

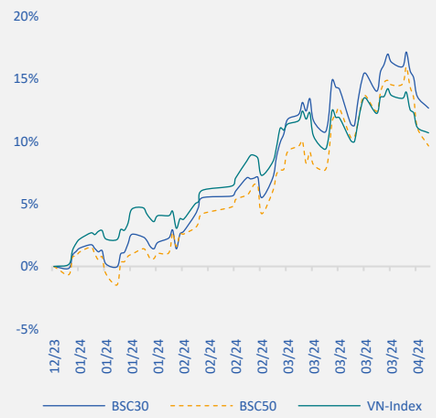

Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	44.40	2.48%	0.97	15.77
BID	49.70	1.21%	0.85	2.35
CTG	33.45	1.79%	0.80	15.51
MBB	23.40	2.14%	0.66	49.37
GVR	29.80	1.85%	0.55	5.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	92.00	-1.09%	-1.35	1.96
VIC	47.00	-1.28%	-0.55	5.13
VNM	64.90	-1.39%	-0.45	7.13
NVL	16.50	-4.55%	-0.34	48.74
BCM	56.80	-2.11%	-0.30	0.79

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	38.90	2.57%	1.92	10.94
MBS	27.90	2.15%	1.05	5.25
SHS	19.00	1.58%	0.97	38.20
VIF	16.10	2.48%	0.56	0.00
HHC	77.00	8.44%	0.45	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	10.00	-5.00%	-1.04	0.38
CEO	20.30	-2.46%	-0.98	19.08
IDC	55.20	-1.27%	-0.89	2.64
BAB	12.40	-1.61%	-0.69	0.02
KSV	28.00	-2.86%	-0.61	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SMC	10.00	7.00%	0.01	1.67
BCE	5.58	6.81%	0.00	0.49
QBS	1.23	6.50%	0.00	1.67
CVT	29.85	6.37%	0.02	0.00
FUEIP100	7.36	6.25%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ST8	8.86	-7.00%	0.00	1.05
PSH	4.72	-6.99%	-0.01	0.22
SFC	22.90	-6.99%	0.00	0.00
DXV	6.48	-6.94%	0.00	0.05
FIR	7.98	-6.89%	-0.01	1.57

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ALT	16.00	10.00%	0.04	0.00
TKU	14.30	9.79%	0.28	0.00
VMS	26.60	9.77%	0.10	0.03
SDU	17.20	9.30%	0.14	0.00
VCM	12.30	8.94%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HMR	22.70	-9.69%	-0.04	0.37
TKG	6.20	-9.68%	-0.01	0.21
MCO	21.00	-9.52%	-0.03	0.14
SPC	11.60	-9.48%	-0.04	0.00
TPP	10.60	-9.43%	-0.16	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday

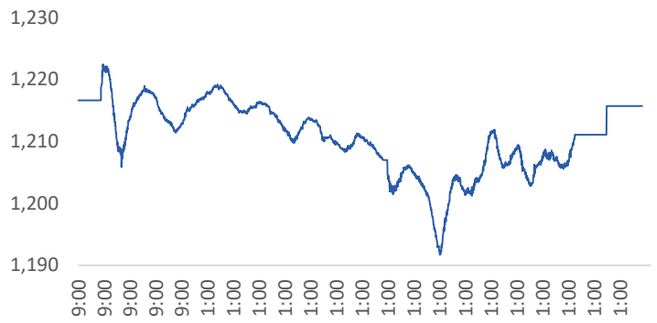

Hình 2
HNX-Index Intraday

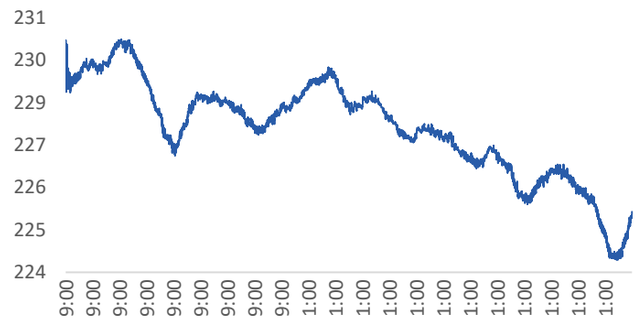

Hình 3
Giao dịch tự doanh

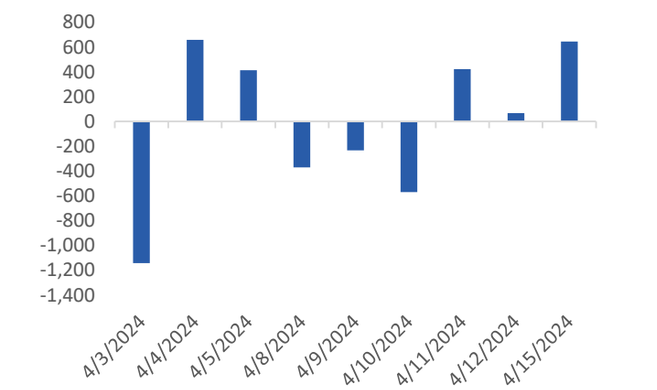

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại

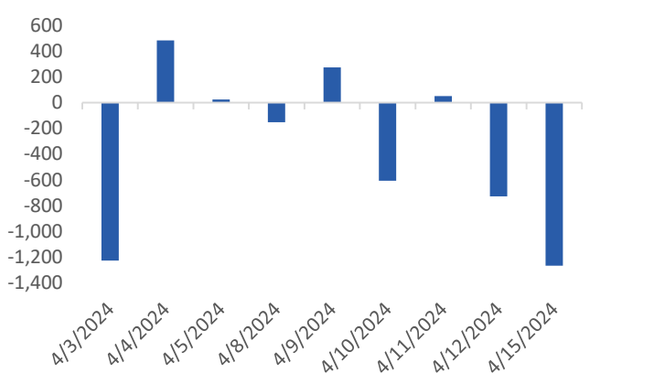

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	91.0	-1.10%	0.7	20,344	6.8	5,910	15.4	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	50.3	1.20%	1.0	11,469	4.7	3,772	13.3	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	0.80%	1.0	5,950	17.7	1,257	14.9	23,685	27.7%	Link
TCB	Ngân hàng	45.5	2.50%	1.2	6,411	27.6	5,111	8.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.9	2.10%	1.1	5,054	31.3	3,966	6.0	24,400	22.9%	Link
STB	Ngân hàng	27.3	-0.70%	1.0	2,059	24.7	4,094	6.7	31,200	23.9%	Link
CTG	Ngân hàng	34.0	1.80%	1.1	7,314	21.0	3,706	9.2	19,100	297.5%	Link
ACB	Ngân hàng	27.2	1.10%	0.9	4,218	18.8	4,131	6.6	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.2	0.70%	1.2	2,111	46.2	1,529	23.0	45,900	44.0%	Link
IDC	BĐS KCN	54.5	-1.30%	1.0	719	5.6	4,223	12.9	-	21.7%	Link
HPG	VLXD	28.4	-0.50%	1.3	6,594	37.9	1,176	24.1	23,300	24.9%	Link
HSG	VLXD	20.8	-2.60%	1.6	511	11.9	1,321	15.7	79,900	21.4%	Link
VHM	BĐS	42.7	0.70%	1.2	7,437	28.8	7,664	5.6	38,900	20.4%	Link
KDH	BĐS	34.2	1.00%	1.4	1,095	6.7	895	38.3	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	39.3	-1.30%	1.2	605	6.4	1,257	31.3	46,100	48.1%	Link
DGC	Hóa chất	113.5	2.20%	1.6	1,724	20.6	8,163	13.9	85,000	19.5%	Link
DCM	Phân bón	31.6	1.10%	1.4	670	4.5	2,095	15.1	41,000	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	76.0	0.00%	0.6	6,982	3.4	5,053	15.0	36,000	2.4%	Link
PVS	Dầu khí	39.9	2.60%	0.7	763	17.4	2,148	18.6	110,500	19.5%	Link
PVD	Dầu khí	30.8	0.80%	1.2	685	11.3	1,052	29.3	45,000	18.9%	Link
POW	Tiện ích	10.9	-2.20%	0.8	1,021	4.9	443	24.6	38,500	3.8%	Link
VHC	Thủy sản	70.1	0.10%	1.2	629	2.7	4,914	14.3	29,000	32.1%	Link
GMD	Logistics	78.4	0.10%	1.1	974	6.3	7,357	10.7	14,500	48.3%	Link
VNM	Bán lẻ	64.0	-1.40%	0.7	5,350	18.2	4,246	15.1	81,700	51.0%	Link
MSN	Bán lẻ	66.1	-1.20%	1.5	3,783	21.3	293	225.9	27,700	27.8%	Link
MWG	Bán lẻ	49.9	0.00%	1.6	2,919	23.2	115	435.2	63,800	45.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.9	-0.60%	0.7	1,283	9.3	6,010	16.0	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	59.0	-0.30%	1.7	394	7.9	2,121	27.8	90,900	23.2%	Link
FPT	Công nghệ	113.0	1.30%	0.8	5,740	16.5	5,091	22.2	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	119.5	2.50%	1.0	547	2.9	4,510	26.5	108,000	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.5	0.00%	0.8	2,738	6.8	3,482	6.7	1.5	19.5%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.6	0.20%	1.3	2,288	8.5	3,376	6.7	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.6	0.60%	1.2	1,550	11.8	2,027	8.7	1.2	28.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	13.6	-1.40%	1.3	1,088	6.5	2,322	5.9	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.0	-0.30%	1.0	1,180	9.0	1,244	13.6	1.3	3.5%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.4	-0.40%	1.3	770	11.4	1,475	18.5	1.5	32.2%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.8	-1.40%	1.7	836	17.4	1,124	42.5	2.8	21.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.1	-1.70%	1.5	979	22.1	1,660	12.1	1.5	18.5%	13.1%
BID	Ngân hàng	50.3	1.20%	1.0	11,469	4.7	3,772	13.3	2.4	17.2%	20.3%
SHS	Chứng khoán	19.3	1.60%	1.7	628	29.5	688	28.1	1.5	10.0%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.8	-3.70%	1.5	90	4.2	546	21.6	0.9	2.2%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.2	0.60%	1.6	614	4.0	53	325.3	1.4	0.0%	0.7%
CTD	Xây dựng	66.0	0.00%	0.8	264	5.3	1,894	34.8	0.8	44.2%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.4	-4.30%	1.3	222	6.5	782	17.2	0.6	9.4%	4.2%
C4G	Xây dựng	10.1	0.00%	1.4	-	0.9	365	27.7	1.0	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	30.1	-3.70%	1.7	734	55.0	195	154.6	2.3	5.6%	2.1%
CEO	BĐS KCN	19.8	-2.50%	0.9	408	15.1	293	67.6	1.6	5.1%	2.4%
KBC	BĐS KCN	30.6	-1.60%	1.5	940	13.4	2,646	11.6	1.2	22.7%	11.7%
VGC	BĐS KCN	51.7	-2.10%	1.3	927	2.4	2,717	19.0	2.4	5.3%	12.5%
SZC	BĐS KCN	38.5	0.40%	1.4	277	3.0	1,824	21.1	2.7	2.4%	13.4%
SIP	BĐS KCN	78.2	2.20%	1.4	569	2.6	5,098	15.3	3.5	0.7%	26.9%
PHR	BĐS KCN	56.0	0.00%	1.1	304	1.7	4,574	12.2	2.0	18.0%	18.3%
GVR	BĐS KCN	30.4	1.80%	1.5	4,856	6.4	656	46.3	2.2	0.5%	6.2%
NKG	Vật liệu	23.6	-1.70%	1.6	249	9.8	446	53.0	1.1	13.8%	2.3%
BMP	Hóa chất	116.9	-0.10%	0.5	383	1.5	12,717	9.2	3.6	85.3%	39.1%
IJC	Bất động sản	14.0	2.20%	1.7	212	2.4	1,477	9.5	0.9	3.2%	10.3%
DXG	Bất động sản	17.6	-4.30%	1.7	509	18.0	239	74.0	0.9	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.2	-1.30%	1.2	2,018	11.4	1,940	11.4	1.3	28.7%	12.4%
PDR	Bất động sản	29.2	-2.00%	1.8	862	20.5	926	31.5	2.2	7.9%	7.2%
CSV	Hóa chất	59.0	0.90%	1.5	104	2.0	4,732	12.5	1.8	4.6%	16.1%
DHC	Hóa chất	39.3	0.00%	1.0	126	0.6	3,843	10.2	1.7	38.7%	17.2%
PLX	Dầu khí	36.0	-0.10%	0.9	1,827	1.1	2,230	16.1	1.6	17.5%	10.7%
PLC	Dầu khí	29.3	0.70%	1.4	95	0.3	1,261	23.2	1.8	1.1%	8.4%
BSR	Dầu khí	19.2	1.60%	1.2	-	5.4	2,790	6.9	1.0	0.0%	15.6%
DRC	Săm lốp	29.6	3.00%	0.7	141	2.2	2,074	14.3	1.9	12.4%	13.2%
PC1	Tiện ích	26.6	1.90%	1.3	331	6.1	450	59.1	1.1	7.1%	4.1%
HDG	Tiện ích	26.5	-0.70%	1.3	324	3.4	2,175	12.2	1.1	17.5%	12.9%
GEX	Tiện ích	20.8	-3.70%	1.9	710	25.7	388	53.7	0.8	9.4%	4.1%
QTP	Tiện ích	15.3	0.00%	0.7	-	0.4	1,360	11.3	1.3	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	60.4	-0.80%	0.9	987	2.7	5,354	11.3	1.2	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	30.0	0.00%	1.3	160	2.5	294	102.1	1.4	2.3%	1.5%
PTB	Thủy sản	62.5	0.80%	0.8	167	1.2	3,851	16.2	1.5	23.8%	10.6%
PVT	Logistics	25.1	4.60%	0.8	357	5.5	3,005	8.4	0.9	11.5%	14.3%
VSC	Logistics	20.2	-1.90%	1.3	216	3.5	927	21.8	0.8	1.5%	6.2%
HAH	Logistics	38.2	-1.30%	1.4	161	4.4	3,648	10.5	1.3	3.5%	12.1%
VTP	Logistics	72.5	1.10%	1.2	353	6.7	3,119	23.2	5.6	7.3%	25.6%
DBC	Bán lẻ	27.4	-4.70%	1.4	265	11.4	103	265.2	1.4	2.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	141.0	1.50%	0.7	768	3.0	(2,537)	-55.6	11.2	35.7%	11.8%
QNS	Bán lẻ	46.1	-6.30%	0.7	-	1.9	6,117	7.5	1.9	15.3%	27.3%
DPM	Phân bón	32.8	1.10%	1.2	513	3.8	1,327	24.7	1.1	8.6%	4.2%
TNG	Dệt may	20.2	0.50%	0.9	92	2.3	1,917	10.5	1.2	20.7%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

http://www.bsc.com.vn

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639